TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 280/2023/DSPT Ngày: 16/5/2023 --- V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Ông Lê Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 và 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2022/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 550/2023/QĐXX-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Tấn P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh P: Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp T H, xã T H, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P: Luật sư Võ Thanh Vinh – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* 1. Phạm Văn V, sinh năm 1967

2. Dương Kim T, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh V, chị T: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A P T, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2022)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp H Đ, xã H X, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 2010

Người đại diện theo pháp luật của Ngọc M: Phạm Văn V, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

** Người làm chứng:*

1. Huỳnh Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp , xã L T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyễn Tấn P, Phạm Văn V, Nguyễn Thị Ngọc H.

Anh C, anh P, chị H có mặt tại phiên tòa; luật sư Vinh có đơn xin vắng mặt; anh V, chị T và chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P và đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Quốc C trình bày: Vợ chồng anh P, chị H với anh V, chị T là chỗ quen biết nên anh P, chị H có cho anh V, chị T vay tiền nhiều lần như sau:

- Vào ngày 23/12/2017 cho vay số tiền 140.000.000 đồng.

- Vào ngày 25/12/2019, cho vay số tiền 280.000.000 đồng gồm khoản tiền cho vay vào ngày 12/12/2019 là 80.000.000 đồng và khoản tiền cho vay vào ngày 25/12/2019 là 200.000.000 đồng.

- Vào ngày 17/5/2020 cho vay số tiền 700.000.000 đồng gồm khoản tiền cho vay vào ngày 17/5/2020 là 500.000.000 đồng; khoản tiền cho vay vào ngày 03/6/2020 là 100.000.000 đồng và khoản tiền cho vay vào ngày 16/7/2020 là 100.000.000 đồng.

- Vào ngày 02/10/2020 cho vay số tiền 450.000.000 đồng gồm khoản tiền cho vay vào ngày 02/10/2020 là 300.000.000 đồng và khoản tiền cho vay vào ngày 05/10/2020 là 150.000.000 đồng.

- Vào ngày 29/11/2020 cho vay số tiền 200.000.000 đồng. Cùng ngày anh V, chị T có chốt nợ tổng số tiền vay của anh P, chị H là 1.770.000.000 đồng.

Trong các lần vay tiền này, có những lần chị T nhận tiền trực tiếp, có khi anh V nhận hoặc con gái của chị T tên là Phạm Thị Ngọc M và con dâu chị T tên là Nguyễn Thị Ngọc H nhận tiền giùm cho chị T, cụ thể:

- Lần đầu tiên vào ngày 23/12/2017, chị T có ký tên nhận mượn số tiền 140.000.000 đồng, anh V không chịu ký tên nên chị T ký tên thay cho anh V.

- Anh V đến nhà anh P nhận trực tiếp 03 lần tiền: Lần 1 vào ngày 16/7/2020, anh V nhận của anh P 100.000.000 đồng; Ngày 02/10/2020, anh V nhận của anh Phong 300.000.000 đồng; Ngày 05/10/2020, anh V nhận của anh P 150.000.000 đồng.

- Vào ngày 03/6/2020, con dâu của chị T và con gái của chị T đến nhà anh P nhận số tiền 100.000.000 đồng.

Các lần nhận tiền còn lại do chị T trực tiếp nhận. Về nguồn gốc số tiền 1.770.000.000 đồng này là do anh P, chị H mượn của chị Huỳnh Thị L số tiền 420.000.000 đồng, hiện anh P, chị H đã trả số tiền này cho chị L xong; Mượn của bà Nguyễn Thị B số tiền 1.150.000.000 đồng hiện còn nợ lại bà B 500.000.000 đồng; Mượn của chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền 200.000.000 đồng, hiện anh P, chị H đã trả số tiền này cho chị N xong.

Mục đích anh V, chị T vay tiền là để mua bán sầu riêng, mua đất, mua đường đi, đặt ống nước tưới tiêu vườn sầu riêng và mít.

Tổng cộng anh V, chị T vay của anh P, chị H số tiền 1.770.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền này anh V đều biết, có những lần anh V đến nhận tiền. Mặc dù anh P, chị H nhiều lần yêu cầu anh V, chị T trả số tiền nợ nhưng anh V, chị T hứa hẹn nhiều lần không trả.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu anh V và chị T phải trả cho vợ chồng anh P, chị H số tiền là 2.168.250.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 1.770.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 29/12/2020 theo mức lãi suất là 1,5%, tạm tính đến ngày 29/02/2022 là 398.250.000 đồng), yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời anh P, chị H yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi xét xử xong vụ kiện.

Ngày 19/10/2022, anh P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi. Anh P chỉ yêu cầu ông V, bà T trả cho vợ chồng anh P số tiền vốn gốc là 1.770.000.000 đồng.

Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền và các đoạn ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện giữa anh P, chị H với anh V, chị T. Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* Anh V không có vay mượn tiền của anh P. Chị T có vay mượn tiền của anh P trong việc làm ăn của chị T hay không anh V cũng hoàn toàn không biết. Anh V không có nhận tiền vay của anh P, chỉ có 01 lần chị T kêu anh V đến nhà anh P lấy giùm tiền thì anh V đến nhà anh P nhận tiền, anh P nói đưa số tiền 300.000.000 đồng thì anh V biết 300.000.000 đồng chứ anh V không có đếm lại. Sau đó, anh V đã đưa số tiền này cho chị T. Ngoài ra có 01 lần anh V đi làm vườn thì chị T nhờ anh V đóng tiền lãi giùm cho chị N nên anh V lấy tiền của chị T đưa cho chị N giùm. Chữ ký trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp không phải của anh V. Lúc đầu anh V đồng ý cùng chị T có trách nhiệm trả số tiền 140.000.000 đồng cho anh P, chị H nhưng nay anh V và chị T đã ly hôn nên anh V không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh P. Các đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp anh V thừa nhận đúng là giọng nói của anh V, nội dung trong đoạn ghi âm đúng những gì anh V nói với chị H, anh P.

Đối với chị T thì vào ngày 23/12/2017, chị T có vay của anh Nguyễn Tấn P số tiền là 140.000.000 đồng, lãi suất 700.000đồng/100.000.000 đồng/ngày tương đương với mức lãi suất là 21%/tháng. Chị T có ký tên vào biên nhận do anh P viết. Sau khi nhận tiền chị T đã đóng tiền lãi cho anh P, cụ thể 10 ngày đóng một lần với số tiền là 9.800.000 đồng (01 tháng là 29.400.000 đồng). Chị T đóng cho anh P được 01 năm tiền lãi với tổng số tiền là 352.800.000 đồng thì chị T không có khả năng đóng tiền lãi nữa.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của anh P, chị T chỉ đồng ý trả cho anh P số tiền 140.000.000 đồng và tự nguyện trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ tháng 07/2018 đến nay đối với số tiền 140.000.000 đồng. Trước đây, chị T có nhiều lần nói chuyện điện thoại với anh P. Chị T thừa nhận đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp đúng là giọng nói của chị T, nội dung trong đoạn ghi âm đã lâu chị T không nhớ rõ, một tỷ mấy trong đoạn ghi âm mà chị T nói là tiền thiếu nhiều người, không phải tiền thiếu của riêng anh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị là vợ của anh P, chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh P, yêu cầu anh V và chị T phải trả cho vợ chồng chị số tiền vốn gốc là 1.770.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

+ *Chị Phạm Thị Ngọc M và chị Nguyễn Thị Ngọc H cùng trình bày:* Các chị là con ruột và con dâu của chị T và anh V. Vào khoảng năm 2020, chị T có kêu các chị đến nhà anh P để lấy đồ giùm cho chị T. Chị H là vợ anh P mới đưa cho các chị một bịch đen, các chị không biết trong bịch là gì. Sau đó, cầm về đưa bịch đen đó cho chị T. Các chị không liên quan gì đến vụ kiện nên xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Bà Nguyễn Thị B trình bày:* Vào ngày 17/5/2020 âm lịch, bà có cho anh P mượn số tiền 500.000.000 đồng. Sau đó có hỏi mượn thêm nhiều lần nữa và có trả lần lại cho bà. Hiện anh P còn nợ lại bà số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng. Khi mượn tiền anh P nói để làm ăn, còn việc anh P có cho chị T, anh V mượn tiền lại

hay không thì bà không biết. Bà không có liên quan gì trong vụ kiện này, nếu giữa bà với anh P có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người làm chứng:*

+ *Chị Huỳnh Thị L trình bày:* Vào ngày 23/12/2017 âm lịch, vợ chồng anh P, chị H có hỏi vay của chị số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Ngày 12/12/2019 âm lịch, vợ chồng anh P, chị H có hỏi vay tiếp của chị số tiền 80.000.000 đồng. Đến ngày 25/12/2019 âm lịch, vợ chồng anh P, chị H có hỏi vay của chị số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chị cho anh P, chị H vay là 420.000.000 đồng, khi vay tiền thì anh P, chị H có nói là cho chị T, anh V mượn. Việc cho mượn tiền giữa anh P, chị H với anh V, chị T chị có biết vì chị T có lần gọi hỏi mượn tiền chị nhưng chị không đồng ý mà yêu cầu chị T muốn gì thì gặp vợ chồng anh P trực tiếp, anh P đứng ra nhận tiền thì chị mới đưa tiền cho anh P còn việc anh P cho chị T, anh V vay tiền thì chị không trực tiếp chứng kiến. Nay anh P, chị H đã trả cho chị số tiền 420.000.000 đồng và tiền lãi xong nên trong vụ kiện này chị không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ *Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Vào ngày 29/11/2020 âm lịch, chị có cho vợ chồng anh P, chị H vay số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này theo chị được biết là anh P, chị H dùng để cho anh V, chị T vay lại vì sau khi vay tiền thì anh V có trực tiếp đến nhà chị để trả cho chị một lần tiền lãi. Hiện nay, anh P, chị H đã trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng xong nên trong vụ kiện này chị không có liên quan, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2022/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P về việc yêu cầu anh Phạm Văn V và chị Dương Kim T trả tiền lãi tính từ ngày 29/11/2020 cho đến khi xét xử xong vụ kiện với mức lãi suất 1,5%/tháng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P.

Buộc chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V phải trả cho anh Nguyễn Tấn P và chị Nguyễn Thị H số tiền 540.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P về việc yêu cầu chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V phải trả số tiền 1.230.000.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Kim T trả cho anh Nguyễn Tấn P và chị Nguyễn Thị H số tiền lãi là 111.300.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Kim T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 22/12/2022 anh Phạm Văn V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn vì việc vay mượn tiền là của chị T, anh không có biết, anh đã sống ly thân với chị T từ năm 2018 cho đến nay.

Ngày 23/12/2022 chị Nguyễn Thị Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Kim T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chị Dương Kim T chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng và lãi suất theo qui định.

Ngày 27/12/2022 anh Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V phải trả cho anh và chị Nguyễn Thị H số tiền 1.770.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có ý kiến rút một phần yêu cầu kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện, với yêu cầu đồng ý về số tiền bị đơn trả là 540.000.000 đồng, rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 1.230.000.000 đồng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ 02 lần đề tham dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Do anh V và chị H là người kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do nên đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện, do bị đơn vắng mặt không lý do, không cần thiết có ý kiến của bị đơn; đề nghị chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với số tiền 1.230.000.000 đồng, nguyên đơn có quyền khởi kiện lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo qui định Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của anh V và chị H là người đại diện theo ủy quyền của chị T theo quy định tại Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là anh P và người đại diện theo ủy quyền của anh P là anh C có ý kiến rút một phần yêu cầu kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện, được xem xét theo quy định tại các Điều 284, 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II]- Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Tấn P có xác lập giao dịch về vay tiền với chị Dương Kim T, anh Phạm Văn V trong thời gian từ năm 2017 - 2020, có thỏa thuận về lãi suất. Chứng cứ anh P cung cấp là tờ giấy có ghi số tiền các lần vay, anh P tổng cộng với số tiền là 1.770.000.000 đồng nên yêu cầu anh V, chị T phải trả lại, không yêu cầu tính lãi. Anh V cho rằng anh không có vay tiền của anh P, việc vay tiền là do chị T anh không biết, anh không còn sống chung vợ chồng với chị T, nên không đồng trả theo yêu cầu của anh P. Còn chị T chỉ thừa nhận có vay của anh P số tiền 140.000.000 đồng vào ngày 23/12/2017, lãi suất 700.000đồng/100.000.000 đồng/ngày tương đương với mức lãi suất là 21%/tháng; chị đã đóng lãi nhiều lần với tổng số tiền là 352.800.000 đồng thì không có khả năng đóng tiền lãi nữa; chị thừa nhận có ký tên vào biên nhận do anh P viết nên đồng ý trả số tiền 140.000.000 đồng và tự nguyện trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ tháng 07/2018 đến ngày xét xử.

[II.1]- Xem xét vào tờ giấy do anh P cung cấp có thể hiện nhiều số tiền với thời gian khác nhau, trong đó chỉ có nội dung ngày 23/12/2017 chị T vay số tiền 140.000.000 đồng chị T ký và viết họ tên, riêng các số tiền khác thì không có người vay ký tên, chị T và anh V không thừa nhận có vay của anh P, những người làm chứng thì cũng không thể hiện rỏ ràng, cụ thể là chị T và anh V có vay nhiều lần số tiền này của anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm có tiến hành đối chất giữa các đương sự theo biên bản ngày 08/8/2022, và lời trình bày trước đó của anh V có thừa nhận anh được chị T kêu tới nhà anh P, anh có nhận số tiền 300.000.000 đồng của anh P mang về đưa cho chị T; còn chị Phạm Thị Ngọc M và chị Nguyễn Thị Ngọc H có trình bày là con ruột và con dâu của chị T và anh V, trong khoảng năm 2020 chị T có kêu đến nhà anh P nhận 01 bịch đen, mang về đưa cho chị T và được xác định là số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ chị T có vay của anh P theo biên nhận ngày 23/12/2017 số tiền 140.000.000 đồng + anh V có nhận 300.000.000 đồng và chị M, H nhận 100.000.000 đồng của anh P mang về cho chị T; chị T không có căn cứ chứng minh chị có trả lại cho anh P số tiền này, nên phải có nghĩa vụ trả 540.000.000 đồng là phù hợp.

Anh Pg yêu cầu đòi lại với số tiền 1.770.000.000 đồng, trong quá trình xét xử thì anh C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh P cũng thống nhất là rút một phần yêu cầu kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý về số tiền bị đơn trả là 540.000.000 đồng, rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 1.230.000.000 đồng. Theo yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không cần thiết phải có ý kiến của bị đơn về rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với số tiền 1.230.000.000 đồng, nguyên đơn có quyền khởi kiện lại trong số tiền 1.230.000.000 đồng và lãi suất tương ứng số tiền khởi kiện.

[II.2]- Anh V và chị H là người đại diện theo ủy quyền của chị T có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt không lý do nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh P có yêu cầu và chị Nguyễn Thị H là vợ của anh P cũng có yêu cầu, nên án sơ thẩm buộc chị T, anh V có nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng anh P, chị H là phù hợp quy định của pháp luật.

[III.3]- Về lãi suất anh P không yêu cầu tính lãi suất, nhưng chị T tự nguyện trả lãi suất của số tiền 140.000.000 đồng cho anh P, số tiền được tính là 111.300.000 đồng. Án sơ thẩm ghi nhận chị T trả cho anh P, chị H số tiền lãi suất này là phù hợp.

[III]- Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần yêu cầu kháng cáo, một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với số tiền 1.230.000.000 đồng, giữ nguyên đối với yêu cầu trả 540.000.000 đồng và tự nguyện trả lãi suất 111.300.000 đồng của chị T

Ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[IV]- Về án phí: Do yêu cầu của anh P được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Sung quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí kháng cáo của anh V và chị H đã nộp.

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[V]- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; các Điều 284, 289, 295, 299, khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Kim T.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P, có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Quốc C.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2022/DS-ST ngày 13/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.1- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P về việc yêu cầu anh Phạm Văn V và chị Dương Kim T trả tiền lãi tính từ ngày 29/11/2020 cho đến khi xét xử xong vụ kiện với mức lãi suất 1,5%/tháng.

2.2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P.

Buộc chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V phải trả cho anh Nguyễn Tấn P và chị Nguyễn Thị H số tiền 540.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2.3- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Kim T trả cho anh Nguyễn Tấn P và chị Nguyễn Thị H số tiền lãi là 111.300.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Kim T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P về việc yêu cầu chị Dương Kim T và anh Phạm Văn V phải trả số tiền 1.230.000.000 đồng.

Anh P có quyền khởi kiện lại trong số tiền 1.230.000.000 đồng và lãi suất tương ứng số tiền khởi kiện.

4. Về án phí:

4.1- Dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho anh Nguyễn Tấn P 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017080ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Sung quỹ nhà nước số tiền chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0017062 ngày 26/12/2022 của Chi cục THADS huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Sung quỹ nhà nước số tiền anh Phạm Văn V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0017064 ngày 27/12/2022 của Chi cục THADS huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4.2- Dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 48.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 37.682.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016069 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh Phong còn phải nộp thêm số tiền 11.218.000 đồng.

Chị Dương Kim T phải chịu 18.365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn V phải chịu 12.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**** Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu